BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
*****

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỌC 5

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
KHOA DU LỊCH VÀ NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Đọc 5
2. Mã học phần: NNTQ 047
3. Số tín chỉ: 2 (2,0)
4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên đại học năm thứ 3 (kỳ I)
5. Phân bổ thời gian
- Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Đọc 4
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Lan Hương	0977612288	ttlhuong@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlan@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Đọc 5 gồm 7 bài cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần: Kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, tự nhiên, nghề nghiệp, lịch sử, địa lý, thể thao, nghệ thuật, những trải nghiệm của bản thân. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
MT1	**Kiến thức**		
MT1.1	Liệt kê, phát âm chính xác và sử dụng đúng các từ vựng và cụm từ liên quan đến các chủ đề trong học phần như: Kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, tự nhiên, nghề nghiệp, lịch sử, địa lý, thể thao, nghệ thuật, những trải nghiệm của bản thân.	4	[1.2.1.2c]
MT1.2	Trình bày được và sử dụng đúng các từ ngữ trọng điểm, các cấu trúc câu trong học phần để đặt câu.	4	[1.2.1.2c]
MT1.3	Sử dụng thành thạo các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu để diễn đạt các vấn đề có liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần.	4	[1.2.1.2c]
MT2	**Kỹ năng**		
MT2.1	Đọc hiểu được nội dung các đoạn hội thoại, đoạn văn trong học phần.	4	[1.2.2.2]
MT2.2	Sử dụng thành thạo từ vựng, cấu trúc câu để biểu đạt được nội dung về các chủ đề giao tiếp hằng ngày trong học phần.	4	[1.2.2.2]
MT3	**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1	**Kiến thức**		
CĐR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, tự nhiên, nghề nghiệp, lịch sử, địa lý, thể thao, nghệ thuật, những	4	[2.1.5]

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
	trải nghiệm của bản thân.		
CĐR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ vựng trong học phần.	4	[2.1.5]
CĐR1.3	Trình bày được cách dùng các từ trọng điểm trong học phần: 巴不得，别提多...了，恨不得，顿时，不由得，番，过于，着呢，乘机，不料，未免，而已，固然，无非，唯独，明明，大不了，于，致使，并非.	4	[2.1.5]
CĐR1.4	Phân tích, làm rõ các dạng lỗi sai trong câu và cách phối hợp từ: 词语误用（一），词语误用（二），成分残缺，语序不当，词语搭配.	4	[2.1.5]
CĐR1.5	Phân biệt được từ loại, ý nghĩa, đặc điểm, cách dùng của các cặp từ đồng nghĩa trong học phần: 人家-别人，体谅-原谅，起码-至少，恰巧-正好，专程-专门，创立-创办，日益-越来越.	4	[2.1.5]
CĐR2	**Kỹ năng**		
CĐR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	4	[2.2.1]
CĐR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu.	4	[2.2.1]
CĐR2.3	Sử dụng được các từ vựng, các cấu trúc câu trong học phần để đọc hiểu và dịch được nội bài đọc ra tiếng Việt, hoàn thành bài tập.	4	[2.2.1]
CĐR2.4	Đọc hiểu các đoạn văn khoảng 900 - 1200 từ về các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày trong học phần.	4	[2.2.1]
CĐR2.5	Giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	4	[2.2.1]
CĐR3	**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần												
		CĐR1					CĐR2					CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第一课 孩子给我们的启示	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
2	第二课 父母之爱	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
3	第三课 一盒月饼	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
4	第四课 完美的胜利	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
5	第五课 学一门外语需要理由吗	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
6	第六课 当好职场插班生	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
7	第七课 我的人生我做主	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá *(Hình thức, thời gian, thời điểm)*	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá chuyên cần.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Trắc nghiệm (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - 姜丽萍 (2017)， *HSK 标准教程 6（上）*， 北京语言大学出版社

[2] - 姜丽萍 (2016)， *HSK 6 标准教程（上）练习册*，北京语言大学出版社

- Tài liệu tham khảo:

[3] - 郑蕊（2017 年），*汉语阅读速成提高篇*， 北京语言大学出版社

[4] - 罗青松（2015 年），*发展汉语*， 北京语言大学出版社

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**第一课 孩子给我们的启示** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ: 巴不得，别提多...了. - Phân biệt được cách dùng của“人家”và “别人”. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. - Vận dụng được từ, cụm từ, cấu trúc câu của bài học trong giao tiếp và làm các bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、词语用法 三、词语辨析 四、扩展 五、练习	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Phân nhóm, giao bài tập, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1- 11. [3]: Trang 1- 10. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[1]: Trang 7 - 8. [2]: Trang 5 - 9. [4]: Trang 1 - 8.	
2	第二课 父母之爱 **Mục tiêu bài:** Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ: 恨不得，顿时，不由得. - Phân biệt được cách dùng của“体谅”và “原谅”. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. - Vận dụng được từ, cụm từ, cấu trúc câu của bài học trong giao tiếp và làm các bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、词语用法 三、词语辨析 四、扩展 五、练习	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Phân nhóm, giao bài tập, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 12 - 20. [3]: Trang 11- 20. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 17 - 18. [2]: Trang 13 - 17. [4]: Trang 10 - 17.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
3	第三课 一盒月饼 **Mục tiêu bài:**	4 (4LT,	**Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.**	CĐR1.1, CĐR1.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ: 番，过于，着呢. - Phân biệt được cách dùng của“起码”và “至少”. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. - Vận dụng được từ, cụm từ, cấu trúc câu của bài học trong giao tiếp và làm các bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、词语用法 三、词语辨析 四、扩展 五、练习	0TH)	**- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Phân nhóm, giao bài tập, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 21 - 31. [3]: Trang 21- .30 + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 26 - 27. [2]: Trang 21 - 25. [4]: Trang 19 - 26.	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
4	**第四课 完美的胜利** **Mục tiêu bài:** Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ: 乘	6 (4LT, 0TH, 2KT)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	机，不料，未免. - Phân biệt được cách dùng của“恰巧”và “正好”. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. - Vận dụng được từ, cụm từ, cấu trúc câu của bài học trong giao tiếp và làm các bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、词语用法 三、词语辨析 四、扩展 五、练习 **Bài kiểm tra giữa kỳ**		phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Phân nhóm, giao bài tập, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 32 - 40. [3]: Trang 31 - 40. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 37 - 38. [2]: Trang 29 - 33. [4]: Trang 28 - 35. + Sv làm bài kiểm tra.	CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
5	第五课 学一门外语需要理由吗 **Mục tiêu bài:** Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ: 而已，固然，无非，唯独. - Phân biệt được cách dùng của“专程”và “专门”.	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. - Vận dụng được từ, cụm từ, cấu trúc câu của bài học trong giao tiếp và làm các bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、词语用法 三、词语辨析 四、扩展 五、练习		+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Phân nhóm, giao bài tập, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 42 - 52. [3]: Trang 41 - 50. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 48 - 49. [2]: Trang 39 - 43. [4]: Trang 37 - 44.	CĐR3.2, CĐR3.3.
6	**第六课 当好职场插班生** **Mục tiêu bài:** Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ: 唯独，明明，大不了. - Phân biệt được cách dùng của“创立”và “创办”. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. - Vận dụng được từ, cụm từ, cấu trúc câu của bài học trong giao tiếp và làm các bài tập. **Nội dung cụ thể:**	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Phân nhóm, giao bài tập, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	一、课文 二、词语用法 三、词语辨析 四、扩展 五、练习		các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 53 - 61. [3]: Trang 51- 60. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 58 - 59. [2]: Trang 47 - 51. [4]: Trang 46 - 52.	
7	**第七课　我的人生我做主** **Mục tiêu bài:** Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ: 于，致使，并非. - Phân biệt được cách dùng của“日益”và “越来越”. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. - Vận dụng được từ, cụm từ, cấu trúc câu của bài học trong giao tiếp và làm các bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、词语用法 三、词语辨析 四、扩展 五、练习	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa và cách dùng của từ vựng trong bài, lấy ví dụ minh họa, hướng dẫn luyện phát âm. + Giảng giải cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Phân nhóm, giao bài tập, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[1]: Trang 62 - 72. [3]: Trang 61- 79. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 68 - 69. [2]: Trang 55 - 59. [4]: Trang 54 - 61.	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Nguyễn Đăng Tiến	Nguyễn Thị Hoa